

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST
Ngày: 28-5-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi và
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương
2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số xxx, ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Bà Bùi Thị B, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: số xxx, ấp x, xã T, huyện K, tỉnh S.

(Ông T vắng mặt; Các đương sự còn lại đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kim H làm chủ hội, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị B là hội viên, có tham gia 05 dây hội, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng mở ngày 12/7/2019 âm lịch, có 18 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà B, ông T tham gia 01 phần. Đã hốt vào kỳ đầu tiên, sau khi hốt hội thì đóng được 11 lần hội chết, còn nợ lại 07 lần hội chết với số tiền là 14.000.000 đồng. Hiện dây hội này đã mãn.

Dây 2: Hội tháng mở ngày 12/7/2019 âm lịch, có 19 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà B, ông T tham gia 01 phần. Đã hốt vào kỳ đầu tiên, sau khi hốt hội thì đóng được 11 lần hội chết, còn nợ lại 08 lần hội chết với số tiền là 16.000.000 đồng. Hiện dây hội này đã mãn.

Dây 3: Hội tháng mở ngày 15/02/2019 âm lịch, có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà B, ông T tham gia 02 phần. Đã hốt vào kỳ đầu tiên, sau khi hốt hội thì đóng được 16 lần hội chết/01 phần, còn nợ lại 06 lần hội chết x 02 phần với số tiền là 24.000.000 đồng. Hiện dây hội này đã mãn.

Dây 4: Hội tháng mở ngày 25/3/2019 âm lịch, có 23 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà B, ông T tham gia 01 phần. Đã hốt vào kỳ đầu tiên, sau khi hốt hội thì đóng được 11 lần hội chết, còn nợ lại 08 lần hội chết với số tiền là 16.000.000 đồng. Hiện dây hội này đã mãn.

Dây 5: Hội tháng mở ngày 06/4/2020 âm lịch, có 24 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà B, ông T tham gia 01 phần. Đã hốt vào kỳ đầu tiên, sau khi hốt hội thì không đóng hội chết lần nào, tính đến thời điểm khởi kiện, bà B, ông T còn nợ 13 kỳ hội chết với số tiền là 26.000.000 đồng. Hiện dây hội này đến tháng 02/2022 âm lịch mới mãn.

Cộng 05 dây hội vợ chồng ông T, bà B còn nợ bà H 96.000.000 đồng.

Bên cạnh đó bà B và ông T nhiều lần mượn tiền của bà H, cụ thể như sau:

+ Tháng 02/2020 âm lịch, bà B và ông T mượn bà H 10.000.000 đồng.

+ Ngày 02/3/2020 âm lịch, bà B và ông T mượn tiếp của bà H 1.000.000 đồng.

+ Tháng 4/2020 âm lịch, bà B và ông T mượn tiếp của bà H thêm 2.500.000 đồng.

Do là chỗ hàng xóm nên các lần mượn tiền không có làm biên nhận hay giấy tờ gì.

Cộng tiền mượn bà B và ông T còn nợ bà H là 13.500.000 đồng.

Nay bà Huỳnh Thị Kim H yêu cầu bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn T trả cho bà số tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng là 109.500.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi phát sinh gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/3/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là bà Bùi Thị B trình bày:

Bà Bùi Thị B và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Bà B thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Huỳnh Thị Kim H làm đầu thảo, tổng cộng 05 dây hụi theo nội dung đơn khởi kiện của bà H. Cả 05 dây hụi này bà B đã hốt hết, trong đó có 04 dây hụi đã mãn, còn lại 01 dây hụi ngày 06/4/2020 âm lịch thì chưa mãn.

Bà B thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà Huỳnh Thị Kim H số tiền hụi theo nội dung đơn kiện là 96.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà B có vay của bà H nhiều lần, cộng chung là 13.500.000 đồng.

Nay bà B cũng đồng ý trả cho bà H số tiền hụi còn nợ là 96.000.000 đồng và 13.500.000 đồng tiền vay. Cộng chung là 109.500.000 đồng, nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ phần tiền lãi vay.

Đối với số tiền lãi vay trước đây bà B đã đóng thì xem như xong, không tranh chấp gì.

Bà B xác định, việc tham gia chơi hụi và vay tiền của bà H là dùng để trang trải chi phí cho gia đình bà.

Chồng bà B là ông Nguyễn Văn T biết việc bà Huỳnh Thị Kim H khởi kiện tại Tòa án và bà B có thông báo toàn bộ nội dung cho chồng bà biết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim H là chính đáng và có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, bà Bùi Thị B cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi và vay tiền của bà H, hiện còn nợ 109.500.000 đồng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim H.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là bà Bùi Thị B có ý kiến: “Nay bà B cũng đồng ý trả cho bà H số tiền hui còn nợ là 96.000.000 đồng và 13.500.000 đồng tiền vay. Cộng chung là 109.500.000 đồng, nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ phần tiền lãi vay; Bà B xác định, việc tham gia chơi hui và vay tiền của bà H là dùng để trang trải chi phí cho gia đình bà”.

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hui với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật và có giao dịch về tài sản dưới hình thức vay tài sản, không thỏa thuận lãi là có thật. Tuy nhiên, hiện nay dây hui mà các bị đơn tham gia đã hết hui sống hết nhưng các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền hui chết theo thỏa thuận và cũng không trả tiền vay còn nợ khi nguyên đơn có ý kiến đòi lại là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, giữa bị đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Bùi Thị B là vợ chồng, vì vậy, cả hai phải cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hui và tiền vay còn nợ cộng chung là 109.500.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hui và tiền vay. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Đối với ý kiến của các bị đơn xin trả dần số tiền 109.500.000 đồng còn nợ bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi xong. Do nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của các bị đơn.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, họ, hiệu, họ, họ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim H. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị B cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim H số tiền hiệu và tiền vay còn nợ, cộng chung là **109.500.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu năm trăm ngàn đồng).**

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.737.500 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng)** theo biên lai thu số 0008878 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị B cùng phải chịu **5.475.000 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, bà Huỳnh Thị Kim H và bà Bùi Thị B có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Ông Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

